**KHUNG MA TRẬN BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

**Nội dung đã học xong trong học kì 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chương I. Số tự nhiên** | **Chương II Số nguyên** | **Chương III. Hình học trực quan** |
| Bài 1: Tập hợp  Bài 2: Tập hợp các số tự nhiên  Bài 3: Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên  Bài 4: Phép nhân, phép chia các số tự nhiên  Bài 5: Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên  Bài 6: Thứ tự thực hiện các phép tính  Bài 7: Quan hệ chia hết. Tính chất chia hết  Bài 8: Dấu hiệu chia hết cho 2 , cho 5.  Bài 9: Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.  Bài 10: Sô nguyên tố. Hợp số  Bài 11: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố  Bài 12: Ước chung và ước chung lớn nhất  Bài 13: Bội chung và bội chung nhỏ nhất | Bài 1: Tập hợp  Bài 2: Tập hợp các số tự nhiên  Bài 3: Phép cộng các số nguyên  Bài 4: Phép trừ các số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc  Bài 5: Phép nhân các số nguyên  Bài 6: Phép chia hết hai số nguyên. Quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên  Bài ôn tập cuối chương II | Bài 1: Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều  Bài 2: Hình chữ nhật. Hình thoi  Bài 3: Hình bình hành  Bài 4: Hình thang cân  Bài 5: Hình có trục đối xứng  Bài 6: Hình có tâm đối xứng |

**BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN - LỚP 6 HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** |
| **1** | **Số tự nhiên** | ***Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. |
| ***Thông hiểu:***  – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.  – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. |
| ***Vận dụng:***  – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. |
| ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính. |
| ***Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung*** | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.  – Nhận biết được phân số tối giản. |
| ***Vận dụng:***  – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.  – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...). |
| ***Vận dụng cao:***  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)***. |
| **2** | **Số nguyên** | ***Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.  – Nhận biết được số đối của một số nguyên.  – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.  – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. |
| ***Thông hiểu:***  – Biểu diễn được số nguyên trên trục số.  – So sánh được hai số nguyên cho trước. |
| ***Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên*** | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...). |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên. |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | |
| ***HÌNH HỌC TRỰC QUAN*** | | | |
| **1** | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | ***Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều*** | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. |
| ***Thông hiểu:***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). |
| ***Vận dụng***  – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. |
| ***Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân*** | ***Nhận biết***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. |
| ***Thông hiểu***  – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). |
| ***Vận dụng***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |
| **2** | **Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên** | ***Hình có trục đối xứng*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). |
| ***Hình có tâm đối xứng*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). |
| ***Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...  – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |

1. **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận**  **dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | **Số tự nhiên** | Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  | **0** |
| Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  | **0** |
| Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố.Ước chung và bội chung | 2  (TN 1, 2) |  |  |  |  |  |  |  | **5** |
| 2 | **Số nguyên** | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên. | 3  (TN 3, 4, 5) |  |  |  |  |  |  |  | **7,5** |
| Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên. | 2  (TN 6, 7) |  |  | 13a  14  a |  | 13  b  14  b  16 |  | 17 | **60** |
| 3 | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1  (TN 8) |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. | 1  (TN 9) |  |  |  |  | 15a, b |  |  | **17,5** |
| 4 | **Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên** | Hình có trục đối xứng. | 1  (TN 10) |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| Hình có tâm đối xứng. | 1  (TN 11) |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên. | 1  (TN 12) |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| **Tổng** | | | **12** |  |  | **2** |  | **4** |  | 1 |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **30** |  |  | **20** |  | **40** |  | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | | **100** |

**MA TRẬN ĐẶC TẢ**

**BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| 1 | **Số tự nhiên** | Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung | **Nhận biết**:  - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  - Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.  - Nhận biết được phân số tối giản. | 2  TN |  |  |  |
| 2 | **Số nguyên** | Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên | **Nhận biết**:  - Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.  - Nhận biết được số đối của một số nguyên.  - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.  - Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.  **Thông hiểu**:  - Biểu diễn được số nguyên trên trục số.  - So sánh được hai số nguyên cho trước | 3  TN |  |  |  |
| Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên | **Nhận biết**:  - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.  **Vận dụng**:  - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.  - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).  **Vận dụng cao**:  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên. | 2  TN | 2  TL | 3  TL | 1  TL |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | | | | | |
| 5 | **Các hình phẳng trong thực tiễn** | Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều | **Nhận biết**:  - Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. | 1  TN |  |  |  |
| Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân | **Vận dụng**:  - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. |  |  | 1  TL |  |
| 6 | **Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên** | Hình có trục đối xứng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.  - Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). | 1  TN |  |  |  |
| Hình có tâm đối xứng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.  - Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). | 1  TN |  |  |  |
| Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên | **Nhận biết**:  - Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...  - Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). | 1  TN |  |  |  |

**BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN 6**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

*Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng nhất.*

**Câu 1.** Trong các số sau đây, số nào chia hết 5?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1317 | **B.** 1305 | **C.** 1312 | **D.** 1223 |

**Câu 2.** Trong các số sau số nào là số nguyên tố: 2; 35; 9; 111?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 2 | **B.** 35 | **C.** 111 | **D.** 9 |

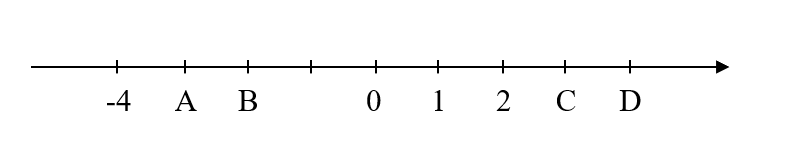
**Câu 3.** Số đối của –7 là số nào trong các số sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** – 7 | **B.** –8 | **C.** –6 | **D.** 7 |

**Câu 4.** Trong các số sau: 5; -3; 7; -9; 0; 1 có bao nhiêu số nguyên âm?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**1 | **B.** 2 | **C.** 3 | **D.** 4 |

**Câu 5.** Trong các điểm A; B; C; D trên trục số sau, điểm nào biểu diễn số – 2:



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Điểm D | **B.** Điểm C | **C.** Điểm B | **D.** Điểm A |

**Câu 6.** Trong các số -2; 2; 11; -11 số nào là ước của số 11:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 11 | **B.** -11 | **C.** 2 | **D.** 11 và -11 |

**Câu 7.** Nhiệt độ của bốn thành phố Starsbourg, Tokyo, London, Matxcơva được ghi lại vào ngày 31 tháng 10 năm 2022 như sau:

Thành phố nào có nhiệt độ thấp nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Starsbourg | **B.** Tokyo | **C.** London | **D.** Matxcơva |

**Câu 8.** Trong các hình vẽ sau, hình nào là hình thoi?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Hình 1 | **B.** Hình 2 | **C.** Hình 3 | **D.** Hình 4 |

**Câu 9.** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
| (1) | ( 2) | (3) | (4) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** (1) | **B.** (2) | **C.** (3) | **D.** (4) |

**Câu 10.** Trong hình vẽ sau, trục đối xứng của hình chữ nhật ABCD là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** d1 và d2 | **B.** d2 và d3 | **C.** d2 và d4 | **D.** d3,  và d4 |

**Câu 11.** Cho hình lục giác đều ABCDEF, biết AB = 4cm. Độ dài cạnh DE là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 8cm | **B.** 2cm | **C.** 4cm | **D.** 3cm |

**Câu 12.** Trong các hình sau, hình ảnh nào có tâm đối xứng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** (1) | **B.** (2) | **C.** (3) | **D.** (4) |

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

**Câu 13:** Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể).

a) 36 + (-90) b) -13. 74 + 13.(- 52) + (- 13)

**Câu 14:** Tìm số nguyên x biết:

a) 25 – (3x + 1) = 75 b) (5 – 2x)2 = 81

**Câu 15:** Chuẩn bị về quê thăm ông bà nhân ngày tết cổ truyền bạn Hoa muốn tự tay làm những chiếc phong bao lì xì xinh xắn theo kích thước như hình vẽ.

1. Em hãy tính diện tích phần giấy làm phong bao lì xì.

b) Tại cửa hàng chỉ có giấy màu cỡ A5 và A4. Để làm bao lì xì trên bạn Hoa nên mua giấy màu khổ A5 hay A4? Vì sao?

**Câu 16:** Một lớp học có 27 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Có bao nhiêu cách chia lớp đó thành các tổ sao cho số học sinh nam và học sinh nữ ở mỗi tổ là như nhau? Cách chia nào để mỗi tổ có số học sinh ít nhất?

**Câu 17:** Tìm n là số nguyên sao cho (2n+5) ⋮ (7n+1)

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU CHẤM**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

*Mỗi câu đúng 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | B | A | D | B | B | D | D | D | A | A | C | D |

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Điểm |
| Câu 13 | a) 36 + (–90)  = – (90 – 36)  = – 54 | 1 điểm |
| b) -13. 74 + 13.(- 52) + (- 13)  = -13. 74 + (-13).25 + (- 13)  = (-13).(74+25+1)  = (-13).100  = -1300 | 1 điểm |
| Câu 14 | a)  Vậy | 0,5 điểm |
| b)    Trường hợp 1:    Trường hợp 2:    Vậy | 1 điểm |
| Câu 15 | a)  Diện tích phần giấy làm phong bao lì xì là:  8.16.2 + [(6+8).3 :2].2 + (10+16).3 :2 = 337 cm2 | 1 điểm |
| b) Diện tích khổ giấy A4 là:  297.210 = 62370 mm2 = 623,70 cm2  Diện tích khổ giấy A5 là:  148.210 = 31080 mm2  = 310,80 cm2  Vì diện tích phong bao lì xì lớn hơn khổ giấy A5 nên bạn Hoa nên mua khổ giấy A4. | 0,5 điểm |
| Câu 16 | Gọi số các tổ được chia là a (tổ) ()  Do số nam và số nữ của mỗi tổ đều như nhau, nên ƯC( 27,18)  Ta có: 27 = 33  18= 2.32  Suy ra ước chung lớn nhất của 27 và 18 là 9.  suy ra ƯC( 27,18)= Ư(9) = {1; 3; 9}  hay{1; 3; 9)  Vậy có 3 cách chia học sinh lớp thành các tổ có số học sinh nam và học sinh nữ bằng nhau.  Chia lớp thành 9 tổ là cách chia mà mỗi tổ có số học sinh ít nhất, khi đó số học sinh mỗi tổ là: (27+18):9=5 (học sinh) | 1 điểm |
| Câu 17 | Theo bài ra ta có:  (2n+5) ⋮ (7n+1)  7(2n+5) ⋮ (7n+1)  2(7n+1) + 33 ⋮(7n+1)  mà 2(7n+1) ⋮(7n+1) suy ra 33 ⋮(7n+1) hay 7n+1 là ước của 33 hay  (7n+1) {-1; 1; 33; 11; -11; -33; 3; -3}  Ta có bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 7n+1 | -33 | -11 | -3 | -1 | 1 | 3 | 11 | 33 | | 7n | -34 | -12 | -4 | -2 | 0 | 2 | 10 | 32 | | n | loại | loại | loại | loại | 0 | loại | loại | loại |   Thử lại n=0 thỏa mãn điều kiện bài toán. Vậy n =0. | 1 điểm |